

CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

VỀ THỰC HIỆN CÔNG BẰNG XÃ HỘI

TS NGUYỄN MINH HOÀN*

1. Chủ trương của Đảng về thực hiện công bằng xã hội thời kỳ trước đổi mới

Ở chặng đường đầu tiên xây dựng CNXH, xuất phát từ quan điểm cho rằng chế độ tư hữu là nguồn gốc của sự bóc lột, của tình trạng bất công và bất bình đẳng xã hội, nên trong chỉ đạo thực tiễn, *việc xoá bỏ chế độ tư hữu đã trở thành nội dung chủ yếu nhằm thực hiện công bằng xã hội.*

Để đạt được mục tiêu công bằng xã hội, các Đại hội III, IV và V đều đặt lên hàng đầu nhiệm vụ phải xoá bỏ chế độ tư hữu vốn được coi là nguồn gốc sinh ra mọi sự bất công và bất bình đẳng xã hội. Chính xuất phát từ quan điểm đó mà đã có chủ trương phải tìm mọi cách xoá bỏ ngay các thành phần kinh tế phi XHCN, nhanh chóng biến kinh tế tư bản tư nhân thành quốc doanh, đưa những người sản xuất nhỏ vào ngay các hợp tác xã quy mô lớn mà không tính đến khả năng trang bị kỹ thuật, trình độ quản lý và năng lực cán bộ. Các Đại hội IV và V đều ghi vào Nghị quyết nhiệm vụ phải căn bản hoàn thành cải tạo XHCN trong nhiệm kỳ Đại hội đó, nhưng cho đến cuối nhiệm kỳ của Đại hội V nhiệm vụ ấy vẫn không

hoàn thành. Điều đó cũng có nghĩa là chúng ta đã không đạt được *mục tiêu công bằng xã hội* như mong muốn sau suốt 25 năm xây dựng CNXH kể từ khi đường lối xây dựng CNXH, được thông qua tại Đại hội III.

Đồng thời với quan hệ sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể luôn được củng cố và hoàn thiện (được coi là cốt lõi cho việc xoá bỏ chế độ người bóc lột người; xoá bỏ bất công và bất bình đẳng xã hội), Đảng ta đã nhấn mạnh đến việc phải tuân thủ *nguyên tắc phân phối theo lao động - một nguyên tắc quyết định* cho việc thực hiện công bằng xã hội trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH. Nhưng do quá nhấn mạnh đến việc thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, coi đó là nguyên tắc phân phối *duy nhất* nên đã làm cho quan hệ sản xuất thời kỳ này càng vượt khỏi sự phát triển thực tế của lực lượng sản xuất đang còn ở trình độ rất thấp.

Thời kỳ trước đổi mới, nguyên tắc phân phối theo lao động đã được thực hiện trong khuôn khổ của cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, cho nên nó đã bị tách khỏi cơ sở số lượng và chất lượng lao động (hiệu quả kinh tế của lao động) để phân phối, mà thay vào đó là sự phân phối bằng

* Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh

hình thức cấp phát, giao nộp được thực hiện trực tiếp bằng chỉ tiêu pháp lệnh, bằng biện pháp hành chính là chủ yếu.

Thực tế đã chứng tỏ phương thức phân phối ấy đã dẫn đến thủ tiêu động lực phát triển kinh tế - xã hội, làm cho nền kinh tế không có tính cạnh tranh, không làm nảy nở nhu cầu đầu tư cho sản xuất kinh doanh, không hồi thúc sự cần thiết phải có sự năng động, sáng tạo, phải đổi mới cách nghĩ, cách làm để thâm nhập và mở rộng thị trường. Do đó, sức sản xuất xã hội đã không được giải phóng, sức ỳ của nền sản xuất càng gia tăng, xã hội càng rơi vào tình trạng trì trệ kéo dài và dẫn đến khủng hoảng kinh tế-xã hội vào cuối những năm 70, đầu những 80 của thế kỷ XX.

2. Chủ trương của Đảng về thực hiện công bằng xã hội trong công cuộc đổi mới

Trước tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội ngày càng gay gắt, Đại hội VI của Đảng (12-1986) trên tinh thần *"Nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật"*¹, đã thẳng thắn tự phê bình về việc đã thực hiện nhiều chủ trương, chính sách sai lầm trong cải tạo và xây dựng CNXH. Báo cáo chính trị tại Đại hội VI đã vạch rõ những hạn chế và sai lầm trong công cuộc xây dựng CNXH *cả về chế độ sở hữu, chế độ phân phối và cơ chế quản lý*. Về chế độ sở hữu: đã có những biểu hiện nóng vội, muốn xoá bỏ ngay khu vực kinh tế "phi xã hội chủ nghĩa", nhanh chóng thiết lập khu vực kinh tế "xã hội chủ nghĩa" (gồm quốc doanh và tập thể); Về phân phối: thực hiện một chế độ phân phối về thực chất là bình quân; Về quản lý: thực hiện một cơ chế quản lý kế hoạch hoá tập trung, quan liêu bao cấp.

Để khắc phục những sai lầm ấy, Đại hội VI đã quyết định chuyển nền kinh tế từ mô hình kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao cấp, dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất dưới hai hình

thức chủ yếu là quốc doanh và tập thể, sang nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN.

Đại hội khẳng định trong nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, nền kinh tế phải được quản lý bằng các phương pháp kinh tế là chủ yếu, với động lực thúc đẩy là sự kết hợp hài hoà lợi ích của toàn xã hội, lợi ích của tập thể và lợi ích riêng của từng người lao động.

Kinh nghiệm thực tế đã chỉ rõ: "lực lượng sản xuất bị kìm hãm không chỉ trong trường hợp quan hệ sản xuất lạc hậu, mà cả khi quan hệ sản xuất phát triển không đồng bộ, có những yếu tố đi quá xa so với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất"². Xuất phát từ luận điểm đổi mới đó về mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, Đại hội VI đã đề ra quan điểm mới về nhiệm vụ cải tạo XHCN. Đại hội khẳng định: "Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong suốt thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, với những hình thức và những bước đi thích hợp, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, luôn luôn có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất"³. Khẳng định điều trên đây cũng có nghĩa là khẳng định rằng chúng ta không thể sớm đạt được mục tiêu công bằng xã hội bằng cách như đã làm trong thời kỳ trước đổi mới là nhanh chóng xoá bỏ chế độ tư hữu, mặt khác, cũng không thể đạt được mục tiêu công bằng xã hội ngay lập tức, trong một thời gian ngắn, qua ba, bốn kế hoạch 5 năm như dự kiến ban đầu, mà chỉ có thể đạt được dần dần, qua một thời gian dài tương ứng với từng bước thành công của sự nghiệp xây dựng CNXH.

Vậy Đại hội VI đã đề ra nội dung và các giải pháp thực hiện công bằng xã hội như thế nào?

Trước hết, để khắc phục tính chất bình quân, khắc phục tình trạng “tách rời việc trả công lao động với số lượng và chất lượng lao động”⁴ trong phân phối, Đại hội nhân mạnh phải quay trở lại thực hiện đúng nguyên tắc phân phối theo lao động: “Việc thực hiện đúng nguyên tắc phân phối theo lao động đòi hỏi sửa đổi một cách căn bản chế độ tiền lương theo hướng bảo đảm yêu cầu tái sản xuất sức lao động, khắc phục tính chất bình quân, xoá bỏ từng bước phần cung cấp còn lại trong chế độ tiền lương, *áp dụng các hình thức trả lương gắn chặt với kết quả lao động và hiệu quả kinh tế* (TG - nhân mạnh)”⁵, “Bảo đảm cho người lao động có thu nhập thoả đáng *phụ thuộc trực tiếp vào kết quả lao động* (TG - nhân mạnh), có tác dụng khuyến khích nhiệt tình lao động”⁶. Mặt khác, xuất phát từ bài học “phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan”, Đại hội không tuyệt đối hoá nguyên tắc phân phối theo lao động, coi đó là nguyên tắc phân phối duy nhất đúng trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH. Văn kiện Đại hội ghi rõ: “Giải quyết một phần quan trọng việc làm cho người lao động và bảo đảm về cơ bản (TG- nhân mạnh) phân phối theo lao động. Thực hiện công bằng xã hội *phù hợp với điều kiện cụ thể của nước ta* (TG- nhân mạnh)”⁷. Như vậy, căn cứ vào “điều kiện cụ thể của nước ta”, Đại hội chủ trương “về cơ bản thực hiện phân phối theo lao động” (hay nói như hiện nay, “phân phối theo lao động là chủ yếu”). Đại hội đã nêu một số quan điểm quan trọng chỉ đạo việc thực hiện công bằng xã hội. Văn kiện Đại hội khẳng định: “Cùng với việc tiến tới xoá bỏ cơ sở kinh tế - xã hội của sự bất công xã hội, phải đấu tranh kiên quyết chống lại những hiện tượng tiêu cực, làm cho những nguyên tắc công bằng xã hội, và lối sống lành mạnh được khẳng định trong cuộc sống hàng ngày của xã hội ta”⁸.

“Xoá bỏ những thành kiến thiên lệch trong sự đánh giá và đối xử với người lao động thuộc các thành phần kinh tế khác nhau. Nhà nước có chính sách ưu đãi về kinh tế (như chính sách đầu tư, thuế, tín dụng...) đối với thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa; song *về pháp luật phải thực hiện nguyên tắc bình đẳng* (TG - nhân mạnh). Những người làm ra của cải và những việc có ích cho xã hội, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và chính sách đều được tôn trọng, được quyền hưởng thu nhập tương xứng với kết quả lao động, kinh doanh hợp pháp của họ. Đối với những kẻ lười biếng, ăn bám, phải phê phán và cưỡng bức lao động. Những kẻ phạm pháp đều bị trừng trị theo pháp luật. Ai vi phạm hợp đồng kinh tế, đều bị xử phạt và phải bồi thường. Đó là chính sách nhất quán với mọi công dân, không phân biệt họ thuộc thành phần kinh tế nào”⁹. Đồng thời “Tôn trọng lợi ích chính đáng của những hoạt động kinh doanh hợp pháp, có ích cho xã hội. Ngăn chặn và xử lý nghiêm khắc các nguồn thu nhập bất chính... Nghiêm trị những kẻ phạm pháp bất kỳ ở cương vị nào... *Bảo đảm sự công bằng về quyền lợi và nghĩa vụ đối với mọi công dân, chống đặc quyền, đặc lợi* (TG - nhân mạnh)”¹⁰. v.v..

Những quan điểm trên đây được nêu ra khi tư duy cũ về CNXH còn đang khá nặng nề trong xã hội. Vì vậy, những cái mới trong các quan điểm trên tuy mới bước đầu nhưng đã gợi mở cho các quan điểm đổi mới ngày càng mạnh mẽ hơn, phù hợp hơn với thực tiễn của thời kỳ quá độ đi lên CNXH. Những quan điểm đó về sau được các đại hội tiếp theo của Đảng dần dần bổ sung, hoàn chỉnh.

Thực vậy, nếu Đại hội VI mới chỉ khẳng định là phải “bảo đảm về cơ bản (TG - nhân mạnh) phân phối theo lao động. Thực hiện công bằng xã hội phù hợp với điều kiện cụ thể của nước ta” như đã trình bày ở trên thì văn kiện Đại hội VII đã nói rõ hơn, khẳng định dứt khoát hơn sự đổi mới trong nội dung

của nguyên tắc phân phối bảo đảm công bằng xã hội như sau: “Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu”¹¹, “Lấy phân phối theo lao động làm hình thức chính, khuyến khích làm giàu đi đôi với giảm số nghèo, nâng cao phúc lợi xã hội phù hợp với trình độ phát triển kinh tế”¹².

Như vậy, Đại hội VII đã có sự bổ sung quan trọng vào nội dung của nguyên tắc phân phối đảm bảo công bằng xã hội phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của nước ta là “thực hiện nhiều hình thức phân phối” chứ không phải chỉ thực hiện một nguyên tắc phân phối duy nhất là theo lao động.

Quan điểm này đã được Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ Khoá VII cụ thể hóa thêm một bước: “...phân phối theo lao động là chủ yếu, khuyến khích và đãi ngộ xứng đáng các tài năng; đồng thời phân phối theo nguồn vốn đóng góp vào sản xuất kinh doanh”¹³. Đây là lần đầu tiên, ngoài phân phối theo lao động là chủ yếu, thì việc phân phối theo nguồn vốn đóng góp vào sản xuất kinh doanh được chính thức thừa nhận, coi đó là một sự phân phối *hợp pháp* và *hợp lý* trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH. Đại hội VIII (1996) tiếp tục xác định: “Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, đồng thời phân phối dựa trên mức đóng góp các nguồn lực khác vào kết quả sản xuất - kinh doanh và phân phối thông qua phúc lợi xã hội”¹⁴.

Cho đến Đại hội IX, nguyên tắc phân phối được thể hiện với *một nội dung đầy đủ, rõ ràng và cụ thể hơn* so với các nguyên tắc phân phối được nêu ra trong văn kiện các Đại hội VI, VII và VIII. Bên cạnh việc nhấn mạnh đến nguyên tắc phân phối theo lao động là chủ yếu, đồng thời thực hiện *phân phối theo phúc lợi xã hội* như đã được nói đến ở nhiều kỳ Đại hội trước đó, Đại hội IX bổ sung thêm nội dung phân phối theo mức đóng góp vốn vào sản xuất kinh doanh, thể hiện một sự đổi

mới dứt khoát, quan trọng trong tư duy về nguyên tắc phân phối nói riêng, về thực hiện công bằng xã hội trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH ở nước ta nói chung: “Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội”¹⁵.

Thời kỳ trước đổi mới, nguyên tắc phân phối theo lao động được coi là nguyên tắc phân phối duy nhất đúng bởi vì, theo quan niệm của C.Mác, chỉ có lao động mới tạo ra giá trị thặng dư. Khi thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động thì người lao động sẽ nhận được trở lại từ xã hội một số lượng vật phẩm tiêu dùng ngang với giá trị của một số lượng lao động mà người lao động đã cung cấp cho xã hội (sau khi đã khấu trừ số lao động của người lao động đã làm cho các quỹ xã hội)¹⁶. Do đó, trong tiến trình xây dựng CNXH, Đảng ta đã luôn nhấn mạnh đến thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động.

Tuy nhiên, trên thực tế ở thời kỳ này lại tiến hành phân phối bình quân, mà phân phối bình quân cào bằng lại là sự bất công xã hội. Từ khi đổi mới đến nay, việc nhấn mạnh trở lại yêu cầu phải thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, vừa khắc phục được nguyên tắc phân phối bình quân, vừa khắc phục được sự bất công xã hội. Điều đó trở thành động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển của nền sản xuất của nước ta, nâng cao và cải thiện đáng kể đời sống của người lao động ở cả nông thôn và thành thị.

Bên cạnh việc trước sau vẫn nhấn mạnh đến nguyên tắc phân phối theo lao động, từ Hội nghị Đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ Khoá VII đến nay, Đảng còn chủ trương thực hiện *phân phối theo mức đóng góp vốn* vào sản xuất kinh doanh. Đó là điều chưa từng có trong suốt quá trình nhiều năm

xây dựng CNXH. Sau 8 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, đến Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ Khoá VII, nguyên tắc phân phối theo mức đóng góp vốn mới được công nhận và đến Đại hội IX, một lần nữa nguyên tắc phân phối này được Đảng ta khẳng định lại.

Kể từ đổi mới đến nay, việc thực hiện nguyên tắc phân phối theo mức đóng góp vốn đã khiến cho nhiều cá nhân và nhiều chủ thể sản xuất - kinh doanh đã bỏ vốn, tài sản (dưới nhiều hình thức), để tham gia đầu tư, mở rộng, phát triển sản xuất. Trong nhiều năm qua, nhờ thu hút được nhiều nguồn lực, nền kinh tế của đất nước không ngừng tăng trưởng ở mức cao. Đây chính là kết quả tất yếu của việc vận dụng nội dung mới của công bằng xã hội trong giai đoạn mới. Việc bổ sung thêm yêu cầu phân phối theo mức đóng góp vốn, tài sản vào nguyên tắc phân phối đã làm cho nội dung mới của công bằng xã hội mà chúng ta đang thực hiện trở thành động lực to lớn cho sự phát triển nền kinh tế - xã hội của đất nước.

Để tiếp tục khẳng định những chủ trương đúng đắn về mục tiêu và nguyên tắc thực hiện công bằng xã hội mà Đảng đã đề ra, cũng như không ngừng bổ sung, hoàn thiện chủ trương đó trong suốt quá trình đổi mới, Đại hội X nhấn mạnh và cụ thể hoá thêm một bước những chủ trương ấy, đó là: “Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội”¹⁷; “thực hiện tốt các chính sách xã hội trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn quyền lợi với nghĩa vụ, cống hiến với hưởng thụ, tạo động lực mạnh mẽ hơn cho phát triển kinh tế - xã hội”¹⁸.

Việc thực hiện nguyên tắc phân phối cả theo lao động, cả theo mức đóng góp vốn là bước chuyển đúng đắn và phù hợp thực tiễn Việt Nam. *Thứ nhất*,

nó thể hiện quá trình đổi mới trong nhận thức của chúng ta về công bằng xã hội khi chúng ta chuyển từ nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. *Thứ hai*, nó phù hợp với thực tế của thời kỳ quá độ đi lên CNXH - một thời kỳ còn tồn tại nhiều thành phần kinh tế với nhiều hình thức sở hữu cùng tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. *Thứ ba*, nó đặc biệt phù hợp với thực tế của thời kỳ quá độ của nước ta đi lên CNXH - một thời kỳ chúng ta đang phải tìm mọi cách thu hút các nguồn vốn để phát triển kinh tế. *Thứ tư*, cũng chính vì vậy, nó đã trở thành một động lực to lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta trong những năm qua, và tiếp tục thúc đẩy mạnh mẽ cho sự phát triển ấy trong những năm tới.

1, 2,3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, ST, H, 1987, 12, 57, 58, 63, 72, 88, 45, 87, 61-62, 88-89.

11. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, ST, H, 1991

12. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, ST, H, 1991

13. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (Khoá VII)*, CTQG, H, 1994, tr.47

14. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, CTQG, H, 1996, tr.92

15. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, CTQG, H, 2001, tr.88

16. Xem: *C.Mác và Ph. Ăngghen Toàn tập*, T.19, ST, H, 1995, tr.34

17,18. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, CTQG, H, 2006, tr.26, 32.